NEURIXAL

Thuốc Neurixal có thành phần chính là Magnesi Lactat Dihydrat, Pyridoxin Hydroclorid được sử dụng trong điều trị thiếu hụt magnesi, có thể thiếu hụt đơn độc hoặc phối hợp với các thiếu hụt khác ở cả người lớn và trẻ em từ 6 tuổi trở lên. Thuốc được nghiên cứu và sản xuất bởi Công ty TNHH Hasan-Dermapharm, hiện đã được cấp phép và lưu hành trên thị trường Việt Nam với số đăng ký VD-28552-17.

Thành phần Neurixal

Thành phần chính của thuốc Neurixal bao gồm:

- Magnesi lactat dihydrat 470mg.
- Pyridoxin hydroclorid 5mg.
- Tá dược vừa đủ 1 viên.

Cơ chế tác dụng của viên sủi Neurixal

- **Magnesi lactat dihydrat** giúp cung cấp magnesi cho cơ thể, manesi là cation nhiều thứ tư trong cơ thể, nhiều thứ 2 trong tế bào và là cation thiết yếu cho chức năng của các enzym quan trọng.
- Magnesi tham gia như một cofactor trong nhiều phản ứng enzym của cơ thể. Magnesi cũng cần thiết cho chuyển hóa năng lượng tế bào, duy trì sự ổn định màng, dẫn truyền thần kinh, vận chuyển sắt và có tác động trên kênh calci.
- Magnesi cần thiết cho sự duy trì mức calci và kali huyết thanh do có tác động trên ống thận.
- **Pyridoxin** là một dạng của vitamin B6, khi hấp thu vào trong cơ thể sẽ biến đổi thành dạng có hoạt tính pyridoxal phosphat và pyridoxamin phosphat. Các chất này hoạt động như những coenzym trong chuyển hóa protein, glucid, lipid. Pyridoxin cũng tham gia tổng hợp acid gamma-aminobutyric trong hệ thần kinh trung ương và tổng hợp hemoglobin.
- Hiếm gặp tình trạng thiếu hụt vitamin B6, tuy nhiên có thể gặp trong một số trường hợp rối loạn hấp thu, rối loạn chuyển hóa hoặc rối loạn do thuốc gây ra. Một số trường hợp cũng cần bổ sung vitamin B6 do nhu cầu cơ thể tăng như bỏng, suy tim sung huyết, sốt kéo dài, cường tuyến giáp, nhiễm khuẩn, kém hấp thu liên quan đến bệnh về gan – mật.
- Việc thiếu hụt pyridoxin có thể dẫn đến thiếu máu nguyên bào sắt, viêm dây thần kinh ngoại vi và viêm da tăng bã nhờn.
- Một số rối loạn chuyển hóa có thể đáp ứng với liều cao pyridoxin như rối loạn chuyển hóa acid xanthurenic – niệu, cystathionin – niệu tiên phát, tăng oxalat – niệu tiên phát.

Dược động học

Hấp thu

- Sau khi uống thuốc, 1/3 lượng magnesi được hấp thu ở ruột non, mức độ hấp thu magnesi tăng lên khi lượng magnesi đưa vào cơ thể giảm.
- Vitamin B6 được hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa, có thể bị giảm ở người có hội chứng kém hấp thu hoặc sau khi cắt dạ dày. Nồng độ của pyridoxin trong huyết tương bình thường là 30-80 nanogam/ml.

Phân bố

- Tỉ lệ gắn protein huyết tương của magnesi là 25-30%, phân bố vào xương khoảng 50-60% và vào dịch ngoại bào là 1-2%. Magnesi có thể qua được nhau thai và một lượng nhỏ được bài tiết vào sữa mẹ.
- Vitamin B6 được dự trữ phần lớn ở gan, một phần nhỏ ở cơ và não. Lượng vitamin B6 dự trữ trên toàn cơ thể ước tính khoảng 167 mg. Các dạng chính của pyridoxin trong máu là pyridoxal và pyridoxal phosphat, có sự liên kết cao với protein huyết tương.

- Pyridoxal có thể qua được nhau thai và nồng độ trong huyết tương bào thai lớn gấp 5 lần trong huyết tương của mẹ. Nồng độ trong sữa mẹ khoảng 150-240 nanogam/ml sau khi mẹ dùng liều 2,5-5 mg vitamin B6 hàng ngày.

Chuyển hóa

Pyridoxin chuyển thành pyridoxal phosphat ở hồng cầu. Tại gan, pyridoxin phosphoryl hóa thành pyridoxin phosphat, chuyển amin thành pyridoxal và pyridoxamin để nhanh chóng được phosphoryl hóa.

Thải trừ

- Magnesi thải trừ chủ yếu qua thận, mức độ thải trừ tỉ lệ thuận với nồng độ trong huyết thanh và sự lọc của cầu thận. Lượng thuốc không hấp thu qua đường uống sẽ đào thải theo phân.
- Thời gian bán thải của pyridoxin khoảng 15-20 ngày. Pyridoxal chuyển hóa thành acid 4-pyridoxic tại gan và bài tiết vào nước tiểu.

Công dụng của viên sủi Neurixal

Thuốc **Neurixal** được chỉ định trong điều trị thiếu hụt magnesi, có thể thiếu hụt đơn độc hoặc phối hợp với các thiếu hụt khác ở người lớn và trẻ nhỏ từ 6 tuổi trở lên.

Liều dùng – Cách dùng

Liều dùng

Với người lớn: 6-8 viên/ngày, chia 2-3 lần/ngày.

Với trẻ từ 6 tuổi trở lên: 4-6 viên/ngày, chia 2-3 lần/ngày.

Cách dùng

- Hòa tan viên thuốc trong khoảng 200 ml nước, chờ viên thuốc sủi bọt hoàn toàn rồi uống.
- Nên dùng thuốc **Neurixal 5mg** trong bữa ăn.
- Dừng uống thuốc khi nồng độ magnesi trong máu trở về bình thường.

Chống chỉ định

- Chống chỉ định sử dụng thuốc **viên sủi Neurixal** cho người có tiền sử dị ứng với magnesi lactat dihydrat, pyridoxin hydroclorid và bất kỳ thành phần tá dược nào có trong thuốc.

Lưu ý khi sử dụng và bảo quản

Lưu ý và thận trọng

- Thận trọng khi sử dụng thuốc **Neurixal** cho bệnh nhân suy thận do có thể gây tích lũy magnesi dẫn đến ngộ độc.

- Thận trọng khi sử dụng thuốc trên bệnh nhân suy gan, suy nhược cơ thể, người mắc các bệnh về thần kinh cơ, người cao tuổi, phụ nư có thai, người đang sử dụng glycosid trợ tim.
- Người hạ kali huyết hay calci huyết đồng thời với thiếu hụt magnesi.
- Khi sử dụng thuốc kéo dài với liều pyridoxin 200mg hoặc hơn, cần chú ý đến các triệu chứng bất thường vì có thể là biểu hiện của độc tính thần kinh, hội chứng lệ thuộc và hội chứng cai thuốc.
- Thuốc có chứa khoảng 330 mg natri trong mỗi viên, vì vậy cần thận trọng trên những bệnh nhân có chế độ ăn hạn chế muối.

Thuốc Neurixal có ảnh hưởng đến phụ nữ có thai và đang cho con bú không?

- Phụ nữ có thai: Magnesi qua được nhau thai, lượng thuốc qua nhau thai tương đương với trong máu mẹ. Pyridoxin qua được nhau thai và đã có nghiên cứu chứng minh về độ an toàn khi dùng cho phụ nữ mang thai. Chỉ nên sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai khi thực sự cần thiết.
- Phụ nữ cho con bú: Pyridoxin có bài tiết qua sữa mẹ, đã có nghiên cứu chứng minh an toàn trên trẻ bú mẹ. Magnesi phân bố một lượng nhỏ trong sữa mẹ. Chỉ sử dụng thuốc **Neurixal Hasan** trong thời kì cho con bú khi thật sự cần thiết.

Thuốc Neurixal có ảnh hưởng đến người lái xe và vận hành máy móc không?

Thuốc **Neurixal sủi** có thể gây một số tác dụng không mong muốn như đau đầu, lơ mơ, buồn ngủ, vì vậy cần thận trọng khi lái xe hay vận hành máy móc.

Bảo quản

Thuốc **Neurixal 5mg 470mg** không nên đặt tại nơi gần khu vui chơi của trẻ nhỏ. Tốt nhất, Neurixal nên được đặt tại nơi khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ không quá 30 độ C.

Tác dụng phụ của thuốc Neurixal

- Trên thần kinh trung ương: Đau đầu, co giật, lơ mơ, buồn ngủ.
- Trên nội tiết và chuyển hóa: Nhiễm acid, acid folic giảm.
- Trên tiêu hóa: Buồn nôn và nôn.
- Trên gan: AST tăng.
- Trên thần kinh – cơ: viêm dây thần kinh ngoại vi.

Tương tác thuốc

- Magnesi lactat dihydrat dùng đường uống làm giảm hấp thu các tetracyclin và bisphosphonat, phải dùng các thuốc này cách nhau vài giờ.
- Muối magnesi phải dùng thận trọng cho bệnh nhân đang dùng digoxin, vì dẫn truyền trong tim có thể thay đổi nhiều, dẫn đến blốc tim. Khi cần phải dùng calci để điều trị ngộ độc magnesi.

- Pyridoxin làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson; điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa-carbidopa hoặc levodopa-benserazid.
- Liều dùng 200mg pyridoxin/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenytoin và phenobarbital trong máu ở một số bệnh nhân.
- Một số thuốc có thể làm tăng nhu cầu về pyridoxin như hydralazin, isoniazid, penicillamin và thuốc tránh thai đường uống. Pyridoxin có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai.
- Để đảm bảo an toàn bạn nên liệt kê các thuốc hoặc sản phẩm bạn đang dùng cho bác sĩ.

Cách xử trí quá liều, quên liều

Quá liều

- Quá liều magnesi gây tăng magnesi huyết, sử dụng liều cao pyridoxin dài ngày có thể gây hội chứng về thần kinh cảm giác, mất điều phối.
- Cách xử trí: ngưng sử dụng thuốc, thông khí nhân tạo cho đến khi đưa được muối calci vào bằng đường tĩnh mạch khi điều trị quá liều magnesi. Chức năng thần kinh sẽ dần cải thiện sau khi ngừng pyridoxin.

Quên liều

Trường hợp phát hiện quên liều thuốc Neurixal, người dùng nên bổ sung liều ngay sau đó nhưng đảm bảo khoảng thời gian tối thiểu giữa các liều. Không nên sử dụng gấp đôi liều Neurixal để bù cho liều đã quên.

Tài liệu tham khảo:

1. Dược thư quốc gia Việt nam
2. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

NEURIXAL

Viên nén sủi bọt

Không dùng thuốc quá liều chỉ định.
Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên bao bì.
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ.

THÀNH PHẦN

- **Dược chất:**
  Magnesi lactat dihydrat ..... 470 mg
  Pyridoxin hydroclorid ..... 5 mg
- **Tá dược:** Manitol, acid citric khan, natri hydrocarbonat khan, natri carbonat khan, povidon K30, natri saccharin, natri benzoat, PEG 6000, bột hương chanh.

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Viên nén tròn, màu trắng, hai mặt phẳng, cạnh và thành viên lành lặn, có hương và vị chanh.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị bệnh thiếu hụt magnesi, có thể trong thiếu hụt đơn độc hoặc phối hợp với các thiếu hụt khác ở người lớn và trẻ em ≥ 6 tuổi.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Liều lượng

- Người lớn: 6 – 8 viên/ngày, chia làm 2 – 3 lần/ngày.
- Trẻ em ≥ 6 tuổi: 4 – 6 viên/ngày, chia làm 2 – 3 lần/ngày.

Cách dùng

- Hòa tan viên thuốc vào khoảng 200 ml nước, uống ngay sau khi viên nén sủi bọt hoàn toàn. Uống thuốc trong bữa ăn.
- Không nên tiếp tục sử dụng thuốc khi nồng độ magnesi trong máu trở về mức bình thường.
- Nếu quên dùng 1 liều thuốc, uống ngay sau khi nhớ ra. Bỏ qua liều đã quên nếu thời gian nhớ ra gần với thời điểm uống liều tiếp theo. Không uống liều gấp đôi để bù cho liều đã quên.
- Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.
- Không nên vứt bỏ thuốc vào nước thải hay rác sinh hoạt. Hỏi ý kiến dược sỹ cách bỏ thuốc không sử dụng nữa. Những biện pháp này sẽ giúp bảo vệ môi trường.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với magnesi lactat dihydrat, pyridoxin hydroclorid hay với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Suy thận nặng (độ thanh thải creatinin < 30 ml/phút).

THẬN TRỌNG VÀ CẢNH BÁO

- Thận trọng ở bệnh nhân suy thận (tích lũy magnesi có thể dẫn đến ngộ độc), suy gan, nhược cơ hoặc các bệnh về thần kinh cơ khác, suy nhược, người cao tuổi, phụ nữ mang thai, đang dùng glycosid trợ tim (nguy cơ blốc tim).
- Hạ kali huyết hoặc hạ calci huyết có thể xảy ra đồng thời với thiếu hụt magnesi.
- Sau thời gian dài dùng pyridoxin với liều 200 mg hoặc hơn mỗi ngày, đã thấy biểu hiện độc tính thần kinh (như bệnh thần kinh ngoại vi nặng và bệnh thần kinh cảm giác nặng).
- Dùng liều 200 mg hoặc hơn mỗi ngày, kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc thuốc và hội chứng cai thuốc.
- Dùng pyridoxin trong thời gian dài với liều trên 10 mg hàng ngày chưa được chứng minh là an toàn.
- Trong mỗi viên nén sủi bọt NEURIXAL có chứa khoảng 330 mg natri, cần sử dụng thận trọng ở những bệnh nhân có chế độ ăn hạn chế muối.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ mang thai

Magnesi qua được nhau thai, lượng thuốc trong thai tương quan với lượng thuốc trong máu mẹ. Pyridoxin qua nhau thai và có bằng chứng về sự an toàn khi dùng cho phụ nữ mang thai, liều bổ sung pyridoxin theo nhu cầu hàng ngày không gây hại cho thai nhi. Chỉ nên dùng thuốc ở phụ nữ mang thai khi thật cần thiết.

Phụ nữ cho con bú

Vitamin B6 vào được sữa mẹ, không gây ảnh hưởng gì khi dùng theo nhu cầu hàng ngày. Có ít dữ liệu sẵn có về liều dùng tối đa hàng ngày được khuyến cáo với vitamin B6, không nên dùng vitamin B6 quá 20 mg/ngày ở phụ nữ cho con bú. Magnesi phân bố lượng nhỏ trong sữa mẹ. Thận trọng khi sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc, Tuy nhiên, thuốc có thể gây một số tác dụng không mong muốn lên hệ thần kinh trung ương (đau đầu, lơ mơ, buồn ngủ…), thận trọng khi vận hành máy móc, đang lái tàu xe, làm việc trên cao và các trường hợp khác.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỴ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Magnesi lactat dihydrat

- Magnesi lactat dihydrat dùng đường uống làm giảm hấp thu các tetracyclin và bisphosphonat, phải dùng các thuốc này cách nhau vài giờ.
- Muối magnesi phải dùng thận trọng cho bệnh nhân đang dùng digoxin, vì dẫn truyền trong tim có thể thay đổi nhiều, dẫn đến blốc tim. Khi cần phải dùng calci để điều trị ngộ độc magnesi.

Pyridoxin hydroclorid

- Pyridoxin làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson; điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa-carbidopa hoặc levodopa-benserazid.
- Liều dùng 200 mg pyridoxin/ngày có thể gây giảm 40 – 50% nồng độ phenytoin và phenobarbital trong máu ở một số bệnh nhân.
- Một số thuốc có thể làm tăng nhu cầu về pyridoxin như hydralazin, isoniazid, penicillamin và thuốc tránh thai đường uống. Pyridoxin có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai.

Tương kỵ của thuốc

Không áp dụng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Magnesi lactat dihydrat:

Sau khi uống các muối magnesi thường không gặp tăng magnesi huyết, trừ trường hợp có suy thận. Sử dụng muối magnesi đường uống có thể gây kích ứng đường tiêu hóa, tiêu chảy, đau bụng.

Pyridoxin hydroclorid:

Pyridoxin thường không độc. Dùng pyridoxin kéo dài với liều 10 mg/ngày được cho là an toàn, nhưng dùng pyridoxin trong thời gian dài với liều 200 mg hoặc hơn hàng ngày có thể gây bệnh về thần kinh.

- *Thần kinh trung ương:* Đau đầu, co giật (sau khi tiêm tĩnh mạch liều cao), lơ mơ, buồn ngủ.
- *Nội tiết và chuyển hóa:* Nhiễm acid, acid folic giảm.

- *Tiêu hóa:* Buồn nôn và nôn.
- *Gan:* AST tăng.
- *Thần kinh – cơ:* Dùng liều 200 mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây viêm dây thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ dáng đi không vững và tê cóng bàn chân đến tê cóng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại ít nhiều di chứng.
- *Khác:* Phản ứng dị ứng.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng

Nhìn chung, quá liều magnesi đường uống không gây ra các phản ứng độc hại trong trường hợp chức năng thận bình thường. Tuy nhiên, nhiễm độc magnesi có thể xảy ra ở bệnh nhân suy thận, phụ thuộc vào nồng độ magnesi trong máu và có các dấu hiệu như: hạ huyết áp; buồn nôn, nôn; suy giảm hệ thần kinh trung ương, giảm phản xạ; bất thường trên ECG; khởi phát suy hô hấp, hôn mê, ngừng tim và ngừng hô hấp; hội chứng vô niệu. Pyridoxin thường được coi là không độc, nhưng khi dùng liều cao (như 2 g/ngày hoặc hơn) kéo dài (trên 30 ngày) có thể gây các hội chứng về thần kinh cảm giác, mất điều phối.

Cách xử trí

Ngừng dùng thuốc, bắt buộc phải thông khí nhân tạo cho đến khi đưa được muối calci vào bằng đường tĩnh mạch khi điều trị quá liều magnesi. Sau khi ngừng pyridoxin, loạn chức năng thần kinh dần dần cải thiện và theo dõi lâu dài thấy hồi phục tốt, có thể ngừng thuốc kéo dài tới 6 tháng để hệ thần kinh cảm giác trở lại bình thường.

DƯỢC LỰC HỌC

Phân loại dược lý: Vitamin và khoáng chất.

Mã ATC: A11JB.

Cơ chế tác dụng

Magnesi lactat dihydrat

- Magnesi lactat dihydrat cung cấp magnesi cho cơ thể. Magnesi là cation nhiều thứ tư trong cơ thể, nhiều thứ hai trong tế bào, là cation thiết yếu cho chức năng của các enzym quan trọng, bao gồm những enzym liên quan tới sự chuyển các nhóm phosphat, tất cả các phản ứng đòi hỏi ATP và mỗi bước liên quan tới sự sao chép, phiên mã của DNA và sự dịch mã của RNA thông tin. Magnesi tham gia như một cofactor (đồng yếu tố) trong nhiều phản ứng enzym trong cơ thể. Có ít nhất 300 enzym phụ thuộc vào magnesi để có chức năng hoạt động bình thường. Magnesi cũng cần thiết cho chuyển hóa năng lượng tế bào, cho sự ổn định màng, dẫn truyền thần kinh, vận chuyển sắt và có tác động trên kênh calci.
- Do tác dụng trên ống thận, magnesi cần thiết để duy trì mức calci và kali trong huyết thanh.

Pyridoxin hydroclorid

- Pyridoxin là một dạng của vitamin B6, khi vào cơ thể biến đổi thành dạng hoạt tính pyridoxal phosphat và pyridoxamin phosphat. Hai chất này hoạt động như những coenzym trong chuyển hóa protein, glucid và lipid. Pyridoxin tham gia tổng hợp acid gamma-aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobin.
- Nhu cầu hàng ngày cho người lớn khoảng 1,6 – 2 mg và người mang thai hoặc cho con bú là 2,1 – 2,2 mg. Hiếm gặp tình trạng thiếu hụt vitamin B6 ở người, nhưng có thể xảy ra trong trường hợp rối loạn hấp thu, rối loạn chuyển hóa bẩm sinh hoặc rối loạn do thuốc gây nên. Nhu cầu cơ thể tăng và việc bổ sung vitamin B6 có thể cần thiết trong các trường hợp như nghiện rượu, bỏng, suy tim sung huyết, sốt kéo dài, cắt bỏ dạ dày, lọc máu, cường tuyến giáp, nhiễm khuẩn, bệnh đường ruột (tiêu chảy, viêm ruột), kém hấp thu liên quan đến bệnh về gan – mật. Với bệnh nhân điều trị bằng isoniazid hoặc phụ nữ uống thuốc tránh thai, nhu cầu pyridoxin hàng ngày cao hơn bình thường.
- Thiếu hụt pyridoxin có thể dẫn đến thiếu máu nguyên bào sắt, viêm dây thần kinh ngoại vi, viêm da tăng bã nhờn, khô nứt môi.
- Một số rối loạn chuyển hóa như acid xanthurenic – niệu, cystathionin – niệu tiên phát, tăng oxalat – niệu tiên phát (do di truyền) có thể đáp ứng với liều cao pyridoxin.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Magnesi lactat dihydrat

- **Hấp thu:** Sau khi uống, khoảng 1/3 lượng magnesi được hấp thu ở ruột non. Hấp thu magnesi tăng lên khi lượng magnesi đưa vào cơ thể giảm.
- **Phân bố:** Khoảng 25 – 30% magnesi gắn với protein huyết tương (albumin). Phân bố vào xương 50 – 60%, vào dịch ngoại bào 1 – 2%. Magnesi qua được nhau thai, một lượng nhỏ phân bố vào sữa.
- **Thải trừ:** Thuốc thải trừ chủ yếu qua thận, tỷ lệ thay đổi giữa các cá thể nhưng tỷ lệ thuận với nồng độ trong huyết thanh và sự lọc của cầu thận. Phần không hấp thu khi uống được thải trừ theo phân.

Pyridoxin hydroclorid

- **Hấp thu:** Vitamin B6 được hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa, có thể bị giảm ở người mắc các hội chứng kém hấp thu hoặc sau khi cắt dạ dày. Nồng độ bình thường của pyridoxin trong huyết tương là 30 – 80 nanogam/ml.
- **Phân bố:** Sau khi uống, thuốc phần lớn dự trữ ở gan, một phần ít hơn ở cơ và não. Dự trữ toàn cơ thể vitamin B6 ước lượng khoảng 167 mg. Các dạng chính của pyridoxin trong máu là pyridoxal và pyridoxal phosphat, liên kết cao với protein. Pyridoxal qua nhau thai và nồng độ trong huyết tương bào thai gấp 5 lần nồng độ trong huyết tương mẹ. Nồng độ vitamin B6 trong sữa mẹ khoảng 150 – 240 ng/ml sau khi mẹ uống 2,5 – 5 mg vitamin B6 hàng ngày.
- **Chuyển hóa:** Ở hồng cầu, pyridoxin chuyển thành pyridoxal phosphat. Ở gan, pyridoxin phosphoryl hóa thành pyridoxin phosphat và chuyển amin thành pyridoxal và pyridoxamin để nhanh chóng được phosphoryl hóa.
- **Thải trừ:** Thời gian bán thải của pyridoxin khoảng 15 – 20 ngày. Ở gan, pyridoxal biến đổi thành acid 4-pyridoxic được bài tiết vào nước tiểu. Trong xơ gan, tốc độ thoái biến có thể tăng. Có thể loại bỏ pyridoxal bằng thẩm phân máu.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 01 tuýp x 10 viên nén sủi bọt. Tuýp nhựa HDPE, nắp được đóng silicagel.

Hộp 01 tuýp x 20 viên nén sủi bọt. Tuýp nhựa HDPE, nắp được đóng silicagel.

BẢO QUẢN

Nơi khô, dưới 30°C. Tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG

24 tháng (kể từ ngày sản xuất).

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Tiêu chuẩn cơ sở.

HASAN

Cơ sở sản xuất

CÔNG TY TNHH HASAN - DERMAPHARM

Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam